

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/3/2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HN, ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Hồ Lệ T, sinh năm 1988. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. *Địa chỉ:* Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phạm Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T xác lập hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2008 tại UBND xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị T quen nhau khoảng 09

tháng rồi tự nguyện tiền đến hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất quan điểm về lối sống và ứng xử giao tiếp, chị T đi về nhà mẹ ruột chơi nhưng không báo anh biết, mỗi lần đi từ 10 đến 15 ngày mới về nhà, anh góp ý thì cự cãi, không nói chuyện với nhau, lúc này anh xuống chòi tôm sống 01 mình, mọi sinh hoạt trong gia đình mạnh ai nấy lo, sự việc kéo dài đến ngày 30/12/2018 chị T đi về bên mẹ vợ chơi nhưng không báo anh biết, đồng thời có nhờ cha anh trông coi, cắt cỏ, dọn dẹp cho bò ăn, đến tối chị T về nhà, anh hỏi đi sao không báo cho anh biết, từ đó dẫn đến cãi với nhau, sáng hôm sau bên vợ lên lấy đồ của T đi hết và T cũng đi về bên mẹ ruột sống đến nay hơn 02 năm, chấm dứt tình cảm vợ chồng, không liên lạc nhau. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- *Về nuôi con tên:* Phạm Y K1, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày 01/01/2009, hai con đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh K đồng ý giao 02 con cho chị T được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh K không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa chị Hồ Lệ T là bị đơn trong vụ án, chị T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Phạm Y K1, sinh ngày 26/12/2007 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị T, giao 02 con tên Phạm Y K1, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày 01/01/2009 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc anh K nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa chị T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh K khởi kiện chị T yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, anh giao 02 con cho chị T được quyền nuôi dưỡng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh K và chị T xác lập hôn nhân vào năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 14/11/2008 tại UBND xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh Phạm Văn K khai: Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất quan điểm trong cuộc sống, chị T đi về mẹ ruột chơi nhưng không báo anh biết, mỗi lần đi từ 10 đến 15 ngày mới về nhà, anh góp ý thì cự cãi, không nói chuyện với nhau, lúc này anh xuống chòi tôm sống 01 mình, mọi sinh hoạt trong gia đình mạnh ai nấy lo, sự việc kéo dài đến ngày 30/12/2018 chị T tiếp tục đi về bên vợ chơi rồi nhờ cha anh trông coi bò, cắt cỏ, dọn dẹp cho bò ăn dùm nhưng không báo anh biết, đến tối chị T về nhà, anh hỏi chuyện thì dẫn đến cãi vã nhau, sáng hôm sau bên vợ lên lấy đồ của chị T đi hết, còn chị T cũng bỏ nhà đi về bên mẹ ruột sống đến nay. Vợ chồng ly thân hơn 02 năm, chấm dứt tình cảm, không liên lạc nhau nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt. Tuy nhiên tại bản tự khai đề ngày 03/11/2020 chị T khai: Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp, không hợp nhau về tính tình, dẫn đến cãi vã với nhau thường xuyên, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12 năm 2018 đến nay hơn 02 năm nên tình cảm không còn và chị T cũng đồng ý ly hôn với anh K.

Xét thấy khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh K và chị T đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân hơn 02 năm, anh K và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin được

ly hôn với nhau. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh K và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh K, xử cho anh K và chị T được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy anh K và chị T sinh 02 người con tên Phạm Y K1, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày 01/01/2009, hai con đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại phiên tòa anh K đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của chị T thể hiện qua bản tự khai đề ngày 03/11/2021 và phù hợp với nguyện vọng của 02 con được sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh K và chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc anh Phạm Văn K nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn K .

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn với chị Hồ Lệ T .

- *Về nuôi con:*

+ Chị Hồ Lệ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên Phạm Y K1, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Yến N , sinh ngày 01/01/2009.

+ Anh Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Phạm Văn K nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002617, ngày 21/10/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Phạm Văn K đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Phạm Văn K có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Hồ Lệ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày chị T nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H , Thị xã D ,
tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm